QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

MỤC LỤC **Trang**

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là 'Quỹ') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh thực hiện chức năng nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án Môi trường cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Vốn điều lệ **51.943.722.563 đồng**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 51 Trà Quý Bình, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

Cở sở 2 tại: Số 1, hẻm 21A, đường 30/4, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Mã số thuế: 1102122947

Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Quỹ

Hội đồng quản lý:	**Chức vụ**	
- Ông Trần Văn Chiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Huỳnh Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Lương Minh Trí	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Kiều Công Minh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Văn Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Trần Văn Tươi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Nguyễn Văn Trang	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Ông Nguyễn Tân Thuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 31/12/2025
- Bà Hồng Lê Minh Nguyệt	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:	**Chức vụ**
- Ông Lương Minh Trí	Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/11/2025)
- Bà Đặng Thị Kiều Oanh	Phụ trách Kế toán (Bổ nhiệm từ 21/8/2025)
- Bà Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Phụ trách Kế toán (trước ngày 21/8/2025). Kế toán (sau ngày 21/8/2025)

Lĩnh vực hoạt động

Đầu tư tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ngành nghề hoạt động

Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Sự kiện trong năm 2025

Thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh của Chính Phủ, theo đó tỉnh Long An cũ sáp nhập với tỉnh Tây Ninh thành lập tỉnh Tây Ninh. Đồng thời các Quỹ tài chính nhà nước sáp nhập, cụ thể:

Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh cũ (MST: 3900370721-003) ngưng pháp nhân, chờ đóng mã số thuế kể từ ngày 25/9/2025. Toàn bộ tiền, tài sản, công nợ, nguồn vốn bàn giao sang Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh mới (MST: 1102122947) tiếp nhận để quản lý vận hành, khai thác tài sản, nguồn vốn theo nhiệm vụ được giao.

Trước hợp nhất, từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An thực hiện chức năng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường nên nguồn vốn điều lệ, nguồn khác được theo dõi và ghi nhận nghiệp vụ tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An. Giai đoạn từ 01/7/2025 đến hết ngày 24/9/2025, nguồn vốn điều lệ, nguồn khác được theo dõi và ghi nhận tại Quỹ Đầu tư phát triển Tỉnh Tây Ninh (mới). Trong năm, Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh (mới) thực hiện chuyển nguồn vốn điều lệ, nguồn khác theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 25/9/2025.

Các văn bản pháp lý

Tại ngày 25/9/2025, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 5158/QĐ-UBND về thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất chức năng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An và Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh ngày 30/10/2025, số liệu tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường được tách khỏi Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh để bàn giao cho Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh.

Số liệu tài chính chia tách của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An xem thuyết minh số VII.5.2.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc Quỹ, đến kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Lương Minh Trí

Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF
162C Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Email: kmfaudit@kmf-audit.com.vn MST: 0313389088

Số 20260227001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc**
Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.06 tại thời điểm 31/12/2025 tồn tại các khoản nợ phải trả về ký quỹ phục hồi môi trường phát sinh từ nhiều năm trước với số tiền 39.989.952.887 đồng, đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Quỹ không nhận được thư xác nhận từ các khoản nợ phải trả này do đã gửi thư xác nhận nhưng không nhận được phản hồi. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của số dư này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 25/9/2025, thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường trên cơ sở hợp nhất chức năng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An và Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh.

Số liệu so sánh đầu năm là số liệu Báo cáo tài chính năm 2024, trong đó số liệu đầu năm là số liệu tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh do Quỹ bảo vệ môi trường của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An đã được Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An ghi nhận và hạch toán sổ sách.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Trần Minh Bảo	**Hà Phương Linh**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2025-243-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3776-2026-243-1

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 01/01/2025
A - TÀI SẢN	**100**			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.01**	**21.062.000.022**	**14.639.151.758**
1. Tiền	111		231.344.562	212.151.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.830.655.460	14.427.000.000
II. Các khoản đầu tư	**120**	**V.02**	**113.810.936.269**	**82.629.956.686**
1. Đầu tư tài chính	121		113.810.936.269	82.629.956.686
III. Cho vay	**130**	**V.03**	**17.150.400.000**	**7.326.565.409**
1. Cho vay	131		17.280.000.000	7.381.929.883
2. Dự phòng rủi ro cho vay (*)	139		(129.600.000)	(55.364.474)
IV. Các khoản phải thu	**140**	**V.04**	**136.487.747**	-
1. Các khoản phải thu khác	141		136.487.747	-
IX. Tài sản khác	**190**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180+190)	**200**		**152.159.824.038**	**104.595.673.853**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 01/01/2025
B - NGUỒN VỐN	**210**			
I. Nợ phải trả	**300**		**92.292.271.967**	**56.303.690.455**
1. Phải trả hoạt động	301	V.05	91.167.566.233	56.267.538.402
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303	V.06	25.747.189	8.594.600
3. Các khoản phải trả khác	305	V.07	1.069.317.039	322.087
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308	V.08	29.641.506	27.235.366
II. Vốn chủ sở hữu	**400**	**V.09**	**59.867.552.071**	**48.291.983.398**
1. Vốn chủ sở hữu	401		51.943.722.563	41.943.722.563
- Vốn góp của chủ sở hữu	401A		43.000.000.000	33.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	401B		8.943.722.563	8.943.722.563
2. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	404		6.491.895.210	4.483.086.774
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	405		1.431.934.298	1.865.174.061
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (410= 300 + 400)	**410**		**152.159.824.038**	**104.595.673.853**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Đặng Thị Kiều Oanh	Lương Minh Trí
Người lập biểu	Phụ trách Kế toán	Giám đốc

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2025	NĂM 2024
1. Doanh thu hoạt động	**01**	**V.01**	**3.776.239.045**	**2.567.684.337**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 =01-02)	**10**		**3.776.239.045**	**2.567.684.337**
4. Chi phí hoạt động	**11**	**V.02**	**3.418.614.342**	**1.229.457.856**
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	**20**		**357.624.703**	**1.338.226.481**
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	V.03	1.460.007.322	1.148.749.442
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý, kinh doanh	23	V.04	312.697.360	564.364.390
9. Lợi nhuận thuần [30=20+(21-22)-23]	**30**		**1.504.934.665**	**1.922.611.533**
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.504.934.665	1.922.611.533
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.05	73.000.367	57.437.472
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**1.431.934.298**	**1.865.174.061**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Huỳnh Thị Hồng Mỹ	**Đặng Thị Kiều Oanh**	**Lương Minh Trí**
Người lập biểu	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp trực tiếp) *Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ				
1. Tiền thu từ các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	01		7.802.220.415	6.548.007.285
2. Tiền chi các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	02		(14.700.000.000)	(8.645.000.000)
3. Tiền chi trả người lao động	03		(121.331.340)	(226.529.297)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(53.774.506)	(88.519.162)
6. Tiền thu khác	06		7.596.317.906	5.773.013.673
7. Tiền chi khác	07		(11.422.081.692)	(1.756.332.379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ	**20**		**(10.898.649.217)**	**1.604.640.120**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(139.900.230.595)	(103.038.612.669)
2. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		145.556.397.225	77.483.421.617
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
5. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.460.007.322	1.148.749.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**7.116.173.952**	**(24.406.441.610)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TƯ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.205.323.529	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**10.205.323.529**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**6.422.848.264**	**(22.801.801.490)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**14.639.151.758**	**37.440.953.248**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**21.062.000.022**	**14.639.151.758**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

Huỳnh Thị Hồng Mỹ	**Đặng Thị Kiều Oanh**	**Lương Minh Trí**
Người lập biểu	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức sở hữu vốn

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh thực hiện chức năng nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án Môi trường cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước

Trụ sở đặt tại: Số 51 Trà Quý Bình, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

Cơ sở 2 tại: Số 1, hẻm 21A, đường 30/4, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

2. Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư tài chính

3. Ngành nghề hoạt động:

Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

4. Chu kỳ hoạt động thông thường

Chu kỳ hoạt động thông thường của Đơn vị không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ có 6 người kiêm nhiệm.

6. Đặc điểm hoạt động của Quỹ trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính hiện hành những hoạt động của Quỹ không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

7. Cấu trúc của Quỹ

- Quỹ không có các đơn vị phụ thuộc và công ty liên doanh, liên kết;

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Chế độ kế toán của Quỹ áp dụng theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được quy định trong Chế độ kế toán nêu trên, Quỹ đã vận dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu cho vay đầu tư bằng vốn lưu động

Các khoản cho vay ngắn hạn là khoản cho vay có thời hạn dưới 1 năm.

Các khoản cho vay trung hạn là khoản cho vay có thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

Các khoản cho vay dài hạn là khoản cho vay có thời hạn trên 3 năm.

3. Dự phòng rủi ro tín dụng

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái và Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, sau đó thay thế bởi Quyết định số 9073/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Phương pháp phân bổ : đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính

5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Quỹ sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

6. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Quỹ bao gồm :

Vốn Ngân sách Nhà nước cấp ghi theo số thực nhận

Vốn khác: hình thành bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Quyết định số 1249/QĐ_UBND ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh, sau đó thay thế bởi Quyết định số 9073/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 20/06/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo tài chính và trích quỹ năm 2024.

8. Doanh thu và thu nhập khác

Quỹ ghi nhận doanh thu, thu nhập trên cơ sở thực thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Quỹ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	-	-
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	-	-
Tiền gửi ngân hàng VND	**231.344.562**	**212.151.758**
- Kho bạc Nhà nước Tỉnh Tây Ninh	4.579.213	4.579.213
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh	224.471.144	139.180.995
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Ninh	600	41.089.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh	1.533.113	1.530.050
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Long An	760.492	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Dương Minh Châu	-	25.772.300
Các khoản tương đương tiền	**20.830.655.460**	**14.427.000.000**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Long An	6.263.281.233	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh	14.567.374.227	14.427.000.000
Tổng cộng	**21.062.000.022**	**14.639.151.758**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An	31.138.731.321	31.138.731.321	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh	48.246.253.307	48.246.253.307	46.405.644.035	46.405.644.035
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Tây Ninh	12.098.095.071	12.098.095.071	11.996.515.550	11.996.515.550
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Dương Minh Châu	-	-	3.742.111.900	3.742.111.900
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP.HCM - CN Tây Ninh	22.327.856.570	22.327.856.570	20.485.685.201	20.485.685.201
Tổng cộng	**113.810.936.269**	**113.810.936.269**	**82.629.956.686**	**82.629.956.686**

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng

3. Cho vay

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi
3.1. Hình thức cho vay	**17.280.000.000**	**17.280.000.000**	**7.381.929.883**	**7.381.929.883**
- Quỹ trực tiếp cho vay	17.280.000.000	17.280.000.000	7.381.929.883	7.381.929.883
Tổng cộng	**17.280.000.000**	**17.280.000.000**	**7.381.929.883**	**7.381.929.883**

3.2. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay	**31/12/2025**	**01/01/2025**
- Nợ trong hạn (*)	17.280.000.000	7.381.929.883
- Nợ quá hạn (**)	-	-
Tổng cộng	**17.280.000.000**	**7.381.929.883**

3.2. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay (tiếp theo)

Trong đó:

(*) Nợ trong hạn bao gồm:	31/12/2025	01/01/2025
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN	12.780.000.000	7.381.929.883
- Công ty TNHH SX TM Phân bón Môi Trường Xanh Huê Phương VN	4.500.000.000	-
Tổng cộng	**17.280.000.000**	**7.381.929.883**

3.3. Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian	31/12/2025	01/01/2025
- Nợ dài hạn	17.280.000.000	7.381.929.883
Tổng cộng	**17.280.000.000**	**7.381.929.883**

3.4. Dự phòng rủi ro cho vay

a Dự phòng chung	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	55.364.474	20.388.974
- Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	99.792.750	59.598.000
- Hoàn nhập dự phòng cho vay	(25.557.224)	(24.622.500)
Số dư cuối năm	**129.600.000**	**55.364.474**

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2025	01/01/2025
Các khoản phải thu khác (*)	136.487.747	-
Tổng cộng	**136.487.747**	**-**

(*) Khoản phải thu khác là số tiền chênh lệch giữa vốn điều lệ, vốn khác và nguồn tiền gửi ngân hàng đã ghi nhận vào lợi nhuận của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An trước thời điểm hợp nhất, được bàn giao qua Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh.

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2025
- Thuế TNDN	25.747.189	73.000.367	53.775.006	6.521.828
- Thuế TNCN	-	14.333.668	16.406.440	2.072.772
Tổng cộng	**25.747.189**	**87.334.035**	**70.181.446**	**8.594.600**

Quyết toán thuế của Quỹ sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5. Phải trả hoạt động

5.1. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	31/12/2025	01/01/2025
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	77.717.493.853	49.079.223.358
Tổng cộng	**77.717.493.853**	**49.079.223.358**

5.1. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản (tiếp theo)

(*) Khoản ký quỹ của các cá nhân và đơn vị để phục hồi bảo vệ môi trường từ năm 2009 đến 31/12/2025:

- Công ty CP Vật Liệu và XD TN GP 17	2.103.839.298	2.103.839.298
- Công ty CP Ximăng Fico Tây Ninh	8.877.747.245	7.820.040.910
- Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản TN	1.056.023.986	1.056.023.986
- Công ty TNHH MTV SLMB Đình Nhi	1.933.149.702	1.933.149.702
- DNTN Nhật Minh	133.555.459	179.774.469
- Công ty CP Khoáng Sản Fico TN	1.834.534.221	1.643.454.661
- Công ty TNHH Phước Hải Lộc	91.405.579	565.084.381
- DNTN An Ngọc/ Công ty TNHH MTV Thanh Danh	482.243.049	482.243.049
- Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	558.516.000	558.516.000
- DNTN Minh Khánh	147.991.155	604.227.117
- Công ty TNHH Hồng Mạnh	94.121.235	94.121.235
- Công ty TNHH KTKS Thạnh Bình	153.957.235	950.562.918
- DNTN Xăng dầu Yến Khang	473.029.504	473.029.504
- Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	150.082.762	858.646.688
- Công ty TNHH MTV Mỹ Khánh	583.412.503	583.412.503
- DNTN Nguyễn Thị Kim Nhung	1.599.660.428	1.599.660.428
- DNTT Duy Chinh	549.388.621	549.388.621
- Công ty TNHH Ngọc Nữ Tây Ninh	575.801.872	575.801.872
- Công ty TNHH TM-XD-KD Nhà Xuân Lan GP1303	1.816.127.353	-
- Công ty TNHH Lavie	1.851.306.085	-
- Công ty TNHH Gạch Tuynel Liên Hiệp Đồng Nai	1.849.608.052	-
- Công ty TNHH TM DV XNK Nam Hiền GP160	1.306.014.204	-
- Công ty TNHH MTV Tây Nam	3.139.454.301	-
- Các đối tượng khác	46.356.524.004	26.448.246.016
Tổng cộng	**77.717.493.853**	**49.079.223.358**

5.2. Phải trả lãi ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	**31/12/2025**	**01/01/2025**
- Phải trả lãi tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	13.385.125.476	7.188.315.044
Tổng cộng	**13.385.125.476**	**7.188.315.044**

5.3. Phải trả từ nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động chôn lấp chất thải	**31/12/2025**	**01/01/2025**
- Phải trả từ nhận ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động chôn lấp chất thải	64.946.904	-
Tổng cộng	**64.946.904**	**-**
Tổng cộng Phải trả hoạt động	**91.167.566.233**	**56.267.538.402**

7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2025	01/01/2025
a *Phải trả ngắn hạn khác*		
- Phải trả, phải nộp khác lãi cho vay	1.597.100	322.087
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	1.067.719.939	-
Tổng cộng	**1.069.317.039**	**322.087**

(*) *Các khoản phải trả, phải nộp khác, số tiền: 1.067.719.939 là số liệu tài chính được Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An bàn giao sang theo Biên bản bàn giao, trong đó số tiền: 931.232.192 đồng là số chênh lệch giữa nguồn tiền ký quỹ và nguồn tiền gửi ngân hàng, là tiền lãi ngân hàng đã được hạch toán vào lợi nhuận của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An và đã được trích lập các quỹ.*

8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2025	Tăng	Giảm	31/12/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.235.366	61.689.154	59.283.014	29.641.506
Tổng cộng	**27.235.366**	**61.689.154**	**59.283.014**	**29.641.506**

Các quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**41.943.722.563**	**-**	**2.694.042.929**	**1.816.279.211**	**46.454.044.703**
Tăng vốn năm trước			1.789.043.845		1.789.043.845
Giảm vốn năm trước					-
Lãi trong năm trước				1.865.174.061	1.865.174.061
Trích quỹ từ LN sau thuế				(1.816.279.211)	(1.816.279.211)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**41.943.722.563**	**-**	**4.483.086.774**	**1.865.174.061**	**48.291.983.398**
Tăng năm nay		6.491.895.210			6.491.895.210
Giảm năm nay			(4.483.086.774)		(4.483.086.774)
Lãi trong năm				1.431.934.298	1.431.934.298
Tăng vốn điều lệ	10.000.000.000				10.000.000.000
Nộp về chủ sở hữu					-
Trích quỹ từ LN sau thuế				(1.865.174.061)	(1.865.174.061)
Số dư tại ngày 31/12/2025	**51.943.722.563**	**6.491.895.210**	**-**	**1.431.934.298**	**59.867.552.071**

9.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2025	01/01/2025
- Vốn góp của Nhà nước	**51.943.722.563**	**41.943.722.563**

9.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:	Năm 2025	Năm 2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	41.943.722.563	41.943.722.563
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	10.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	**51.943.722.563**	**41.943.722.563**
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*) Vốn góp tăng trong năm: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ Việt Nam Đồng) khi thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất chức năng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An và Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, số tiền: 10.000.000.000 đồng, là Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường do Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An quản lý tính tới ngày 24/9/2025, sau đó bàn giao số liệu tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh.

9.4. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2025	Năm 2024
- Số dư đầu năm	4.483.086.774	2.694.042.929
Tăng trong năm	-	1.789.043.845
Giảm trong năm	(4.483.086.774)	-
- Số dư cuối năm	**-**	**4.483.086.774**

10. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

10.1 Tài sản nhận thế chấp, cầm cố, bảo đảm nợ của KH	Năm 2025	Năm 2024
- Chứng khoán và giấy tờ có giá	9.217.592.592	7.305.555.556
- Bất động sản	34.023.063.000	11.511.000.000
- Tài sản khác	16.755.492.667	7.648.148.151
Tổng cộng	**59.996.148.259**	**26.464.703.707**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2025	Năm 2024
01. Doanh thu hoạt động	**3.776.239.045**	**2.567.684.337**
Trong đó:		
- Doanh thu lãi từ hoạt động cho vay	431.857.206	248.734.884
- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ khác (lãi tiền gửi từ tiền ký quỹ)	3.344.381.839	2.314.817.953
- Doanh thu khác	-	4.131.500
Tổng cộng	**3.776.239.045**	**2.567.684.337**

02. Chi phí hoạt động	Năm 2025	Năm 2024
- Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay	74.235.526	34.975.500
- Chi trả tiền lãi ký quỹ	3.344.378.816	1.194.482.356
Tổng cộng	**3.418.614.342**	**1.229.457.856**

03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2025	Năm 2024
- Lãi tiền gửi	1.460.007.322	1.148.749.442
Tổng cộng	**1.460.007.322**	**1.148.749.442**

04. Chi phí quản lý, kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí nhân viên quản lý	131.367.600	304.356.617
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.690.342	200.000
- Chi phí bằng tiền khác	179.639.418	259.807.773
Tổng cộng	**312.697.360**	**564.364.390**

05. Chi phí thuế TNDN	Năm 2025	Năm 2024
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.504.934.665	1.922.611.533
- Thu nhập chịu thuế (lãi tiền gửi ngân hàng)	1.460.007.322	1.148.749.442
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	5%	5%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**73.000.367**	**57.437.472**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Quỹ Bảo vệ môi trường quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Quỹ Bảo vệ môi trường vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Quỹ Bảo vệ môi trường áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.01

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Năm 2025		Năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.062.000.022	-	14.639.151.758	-
Các khoản đầu tư	17.280.000.000	(129.600.000)	7.381.929.883	(55.364.474)
Các khoản phải thu	136.487.747		-	
Tổng cộng	**38.478.487.769**	**(129.600.000)**	**22.021.081.641**	**(55.364.474)**

Công nợ tài chính	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản phải trả	92.292.271.967	56.303.690.455
Tổng cộng	**92.292.271.967**	**56.303.690.455**

Quỹ Bảo vệ môi trường chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

2. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Quỹ Bảo vệ môi trường xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Quỹ Bảo vệ môi trường sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Quỹ Bảo vệ môi trường chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Quỹ Bảo vệ môi trường được hưởng hoặc phải trả cho các khoản nợ ký quỹ. Quỹ Bảo vệ môi trường quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Quỹ Bảo vệ môi trường và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Quỹ Bảo vệ môi trường có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Quỹ Bảo vệ môi trường.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Quỹ Bảo vệ môi trường được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Quỹ Bảo vệ môi trường tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Quỹ Bảo vệ môi trường là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Quỹ Bảo vệ môi trường duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sơm nhất mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải trả.

Tại ngày 31/12/2025

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	**Cộng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.062.000.022	-	21.062.000.022
Các khoản phải thu khác	136.487.747	-	136.487.747
Các khoản đầu tư	113.810.936.269	17.150.400.000	130.961.336.269
Tổng cộng	**135.009.424.038**	**17.150.400.000**	**152.159.824.038**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	**Cộng**
Các khoản phải trả	1.095.064.228	92.292.271.967	93.387.336.195
Tổng cộng	**1.095.064.228**	**92.292.271.967**	**93.387.336.195**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**133.914.359.810**	**(75.141.871.967)**	**58.772.487.843**

Tại ngày 01/01/2025

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.639.151.758	-	14.639.151.758
Các khoản đầu tư	82.629.956.686	7.326.565.409	89.956.522.095
Tổng cộng	**97.269.108.444**	**7.326.565.409**	**104.595.673.853**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản phải trả	8.916.687	56.267.538.402	56.276.455.089
Tổng cộng	**8.916.687**	**56.267.538.402**	**56.276.455.089**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**97.260.191.757**	**(48.940.972.993)**	**48.319.218.764**

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
- Ông Trần Văn Chiến	Chủ tịch	thôi đảm nhiệm từ 31/12/2025
- Ông Lương Minh Trí	Phó chủ tịch kiêm Giám đốc	
- Ông Kiều Công Minh	Thành viên	thôi đảm nhiệm từ 31/12/2025
- Ông Văn Tiến Dũng	Thành viên	thôi đảm nhiệm từ 31/12/2025
- Bà Hồng Lê Minh Nguyệt	Thành viên	thôi đảm nhiệm từ 31/12/2025
- Bà Nguyễn Việt Anh Thư	Trưởng ban KS	
- Ông Trần Khắc Phục	Thành viên Ban KS	
- Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên Ban KS	
- Ông Đàm Văn Cường	Phó Giám đốc	thôi đảm nhiệm từ 31/12/2025

4. Thu nhập của Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập	113.474.556	246.756.617

5. Số liệu hợp nhất 06 tháng đầu năm:

Thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh của Chính Phủ, theo đó tỉnh Long An cũ sáp nhập với tỉnh Tây Ninh, thành lập tỉnh Tây Ninh mới. Đồng thời các Quỹ tài chính nhà nước sáp nhập, cụ thể:

Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh cũ (MST: 3900370721-003) ngưng pháp nhân, chờ đóng mã số thuế kể từ ngày 25/9/2025. Toàn bộ tiền, tài sản, công nợ, nguồn vốn bàn giao sang Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh mới (MST: 1102122947) tiếp nhận để quản lý vận hành, khai thác tài sản, nguồn vốn theo nhiệm vụ được giao.

Số liệu tài chính của chức năng quản lý của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An đảm nhiệm Quỹ Bảo vệ môi trường; Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh cũ (MST: 3900370721-003) và Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An bàn giao như sau:

5.1. Quỹ Bảo vệ môi trường do Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An quản lý:

Giai đoạn từ 01/01/2025 đến thời điểm bàn giao, do Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An thực hiện chức năng quản lý và đã hạch toán, ghi nhận sổ sách vào Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An. Do đó, Báo cáo kết quả kinh doanh trong giai đoạn này không được ghi nhận cụ thể và số dư tài chính tại 01/01/2025 không có do chưa đến thời điểm bàn giao số liệu tài chính. Số liệu bàn giao tài chính được thuyết minh tại VII.5.2.

5.2. Số liệu của Quỹ Bảo vệ môi trường do Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Long An quản lý được bàn giao sang Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Số liệu tài chính bàn giao đến thời điểm bàn giao
A - TÀI SẢN	**100**	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**10.326.097.831**
1. Tiền	111	10.326.097.831
2. Các khoản tương đương tiền	112	-
II. Các khoản đầu tư	**120**	**36.603.451.941**
1. Đầu tư tài chính	121	36.603.451.941
III. Cho vay	**130**	-
1. Cho vay	131	
2. Dự phòng rủi ro cho vay (*)	139	
IV. Các khoản phải thu	**140**	**136.487.747**
1. Các khoản phải thu khác	141	136.487.747
IX. Tài sản khác	**190**	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170 +180+190)	**200**	**47.066.037.519**
B - NGUỒN VỐN	**210**	
I. Nợ phải trả	**300**	**36.860.713.990**
1. Phải trả hoạt động	301	30.392.467.706
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303	
3. Các khoản phải trả khác	305	6.468.246.284
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308	
II. Vốn chủ sở hữu	**400**	**10.205.323.529**
1. Vốn chủ sở hữu	401	10.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	401A	10.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	401B	
2. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	404	205.323.529
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	405	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (410= 300 + 400)	**410**	**47.066.037.519**

5.3. Số liệu của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Tây Ninh (cũ) (MST: 3900370721-003)

5.3.1 Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm bàn giao

(Đơn vị tính: Đồng)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TẠI THỜI ĐIỂM BÀN GIAO	TẠI NGÀY 01/01/2025
A - TÀI SẢN	**100**		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**16.505.987.931**	**14.639.151.758**
1. Tiền	111	446.407.168	212.151.758
2. Các khoản tương đương tiền	112	16.059.580.763	14.427.000.000
II. Các khoản đầu tư	**120**	**82.938.084.471**	**82.629.956.686**
1. Đầu tư tài chính	121	82.938.084.471	82.629.956.686
III. Cho vay	**130**	**9.919.712.500**	**7.326.565.409**
1. Cho vay	131	10.000.000.000	7.381.929.883
2. Dự phòng rủi ro cho vay (*)	139	(80.287.500)	(55.364.474)
IV. Các khoản phải thu	**140**	-	-
1. Các khoản phải thu khác	141	-	-
IX. Tài sản khác	**190**	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170 +180+190)	**200**	**109.363.784.902**	**104.595.673.853**
B - NGUỒN VỐN	**210**		
I. Nợ phải trả	**300**	**59.516.742.975**	**56.303.690.455**
1. Phải trả hoạt động	301	59.483.109.229	56.267.538.402
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303	3.735.588	8.594.600
3. Các khoản phải trả khác	305	256.652	322.087
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308	29.641.506	27.235.366
II. Vốn chủ sở hữu	**400**	**49.847.041.927**	**48.291.983.398**
1. Vốn chủ sở hữu	401	41.943.722.563	41.943.722.563
- Vốn góp của chủ sở hữu	401A	33.000.000.000	33.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	401B	8.943.722.563	8.943.722.563
2. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	404	6.286.571.681	4.483.086.774
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	405	1.616.747.683	1.865.174.061
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (410= 300 + 400)	**410**	**109.363.784.902**	**104.595.673.853**

5.3.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm bàn giao *(Đơn vị tính: Đồng)*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm bàn giao	Năm 2024
1. Doanh thu hoạt động	**01**	**1.560.756.683**	**2.567.684.337**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần (10 =01-02)	**10**	**1.560.756.683**	**2.567.684.337**
4. Chi phí hoạt động	**11**	**682.177.424**	**1.229.457.856**
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	**20**	**878.579.259**	**1.338.226.481**
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	945.063.544	1.148.749.442
7. Chi phí tài chính	22	-	-
8. Chi phí quản lý, kinh doanh	23	159.641.942	564.364.390
9. Lợi nhuận thuần [30=20+(21-22)-23]	**30**	**1.664.000.861**	**1.922.611.533**
10. Thu nhập khác	31	-	-
11. Chi phí khác	32	-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	1.664.000.861	1.922.611.533
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47.253.178	57.437.472
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**	**1.616.747.683**	**1.865.174.061**

Ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Đặng Thị Kiều Oanh	Lương Minh Trí
Người lập biểu	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**